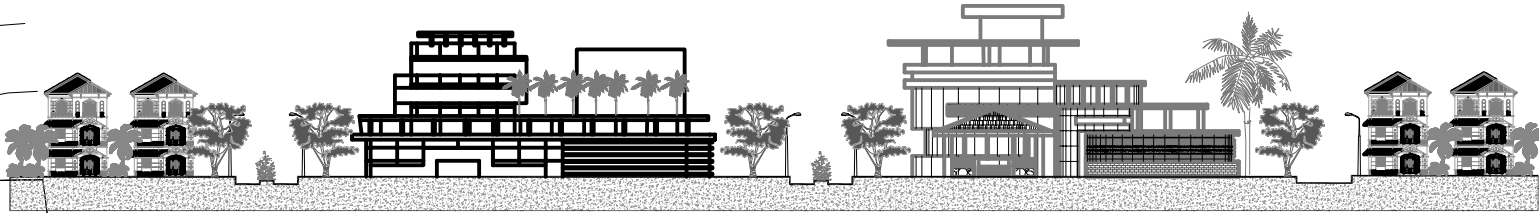


QUY HOẠCH CHI TIẾT ĐÔ THỊ KHU DÂN CƯ DỊCH VỤ DU LỊCH ĐƯỜNG BÃI NÒ
PHƯỜNG PHÁO ĐÀI, THÀNH PHỐ HÀ TIỀN, TỈNH KIÊN GIANG
SƠ ĐỒ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN, KIẾN TRÚC, CẢNH QUAN

TỶ LỆ 1/500



MẶT ĐỨNG TRÍCH ĐOẠN ĐƯỜNG SỐ 2



MẶT ĐỨNG TRÍCH ĐOẠN DÂY NHÀ NHÀ PHỐ

BẢNG CÂN BẰNG ĐẤT ĐAI:

KH lô đất	Chức năng sử dụng đất	Diện tích lô (m ²)	Diện tích/nền (m ²)	Số căn	Tỷ lệ (%)
1	Đất ở	35.879,80	35.879,80	145	24,35
1.1	Đất ở liền kề	4.210,2	4.210,2	36	2,86
1.2	Đất ở biệt thự	31.669,60	31.669,60	109	21,49
2	Đất ở sử dụng hỗn hợp	16.977,80	16.977,80	1	11,52
3	Đất công trình hạ tầng xã hội	31.205,10	31.205,10	6	21,17
3.1	Đất cây xanh sử dụng công cộng	16.792,40	16.792,40	5	11,39
3.2	Đất thương mại dịch vụ	14.412,70	14.412,70	1	9,78
4	Đất giao thông	62.813,00	62.813,00	-	42,62
4.1	Đường giao thông	62.429,70	62.429,70	-	42,36
4.1	Hẻm thông hành	383,3	383,3	-	0,26
5	Đất công trình hạ tầng kỹ thuật khác	507,8	507,8	1	0,34
Tổng		147.383,50	147.383,50	-	100,00

KH lô đất	Chức năng sử dụng đất	Diện tích lô (m ²)	Diện tích/nền (m ²)	Số căn	Căn số	Tầng cao (Chiều cao)	Mật độ XD (%)	Diện tích XD/Nền (m ²)	Diện tích sàn XD/Nền (m ²)	Hệ số SDD
1	Đất ở	35.879,80	35.879,80	145	1-145	4	64,09	22.994,37	72.623,51	2,02
1.1	Đất ở liền kề	4.210,2	4.210,2	36	1-36	4	86,47	3.640,39	14.561,55	3,46
1.2	Đất ở biệt thự	31.669,60	31.669,60	109	1-109	3	61,11	19.353,98	58.061,96	1,83
BT1	Nhà biệt thự 1	9.556,60	9.556,60	35	1-35	3	62,63	5.985,56	17.956,69	1,88
BT2	Nhà biệt thự 2	8.676,90	8.676,90	30	1-30	3	61,24	5.313,60	15.940,80	1,84
BT3	Nhà biệt thự 3	5.606,70	5.606,70	18	1-18	3	59,46	3.333,57	10.000,72	1,78
BT4	Nhà biệt thự 4	7.829,40	7.829,40	26	1-26	3	60,30	4.721,25	14.163,75	1,81
2	Đất ở sử dụng hỗn hợp	16.977,80	16.977,80	1	1	9 (3-4m)	49,26	8.363,26	75.269,38	4,43
3	Đất công trình hạ tầng xã hội	31.205,10	31.205,10	6	1-6	1-6	26,42	8.325,53	45.726,48	1,45
3.1	Đất cây xanh sử dụng công cộng	16.792,40	16.792,40	5	1-5	1	5	845,34	845,34	0,05
3.2	Đất thương mại dịch vụ	14.412,70	14.412,70	1	1	6 (25m)	51,90	7.480,19	44.881,15	3,11
4	Đất giao thông	62.813,00	62.813,00	-	-	-	-	-	-	-
4.1	Đường giao thông	62.429,70	62.429,70	-	-	-	-	-	-	-
4.1	Hẻm thông hành	383,3	383,3	-	-	-	-	-	-	-
5	Đất công trình hạ tầng kỹ thuật khác	507,80	507,80	1	1	1	40	257,76	257,76	0,40
Tổng		147.383,50	147.383,50	-	-	-	-	-	-	-

GHI CHÚ:

- LK. ĐẤT Ở LIỀN KỀ
BT1-BT4. ĐẤT Ở BIỆT THỰ
HH. ĐẤT Ở SỬ DỤNG HỖN HỢP
CX1-CX5. ĐẤT CÂY XANH SỬ DỤNG CÔNG CỘNG
TMDV. ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
HT. ĐẤT CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT

KÍ HIỆU:

- ĐẤT Ở LIỀN KỀ
- ĐẤT Ở BIỆT THỰ
- ĐẤT Ở SỬ DỤNG HỖN HỢP
- ĐẤT CÂY XANH SỬ DỤNG CÔNG CỘNG
- ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
- MẶT NƯỚC
- ĐẤT GIAO THÔNG
- RANH QUY HOẠCH

CƠ QUAN PHÉ DUYỆT: UBND THÀNH PHỐ HÀ TIỀN	
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: /QĐ-UBND NGÀY THÁNG NĂM 2024	CƠ QUAN THẨM ĐỊNH: PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HÀ TIỀN
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: /TTr-QLĐT NGÀY THÁNG NĂM 2024	CƠ QUAN TRÌNH DUYỆT:
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: NGÀY THÁNG NĂM 2024	CƠ QUAN TỐ CHỨC LẬP QUY HOẠCH: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THÀNH PHỐ HÀ TIỀN
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: /TTr-BQL NGÀY THÁNG NĂM 2024	CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM: QUY HOẠCH CHI TIẾT ĐÔ THỊ KHU DÂN CƯ DỊCH VỤ DU LỊCH ĐƯỜNG BÃI NÒ PHƯỜNG PHÁO ĐÀI, THÀNH PHỐ HÀ TIỀN, TỈNH KIÊN GIANG
TÊN BẢN VẼ: SƠ ĐỒ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN, KIẾN TRÚC, CẢNH QUAN	
BẢN VẼ: QH	GHÉP: A0
THIẾT KẾ: KSGH. HỒ NGỌC TRANG THANH	TỶ LỆ: 1/500
CHỦ TRÌ: KSGH. HỒ NGỌC TRANG THANH	NGÀY: / / 20
CHỦ NHIỆM: KTS. LÊ PHÁT HUY	
TR. PHÒNG: KTS. NGUYỄN HỒNG VĨ	
QL. KỸ THUẬT: KTS. NGUYỄN PHAN HỒNG HÀ	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CIC KIÊN GIANG GIÁM ĐỐC:	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CIC KIÊN GIANG Tòa nhà L1, Lô A1a, khu biệt thự cao cấp SeaView, đường Cờ Bắc, Khu phố 1, phường Vĩnh Bảo - Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	